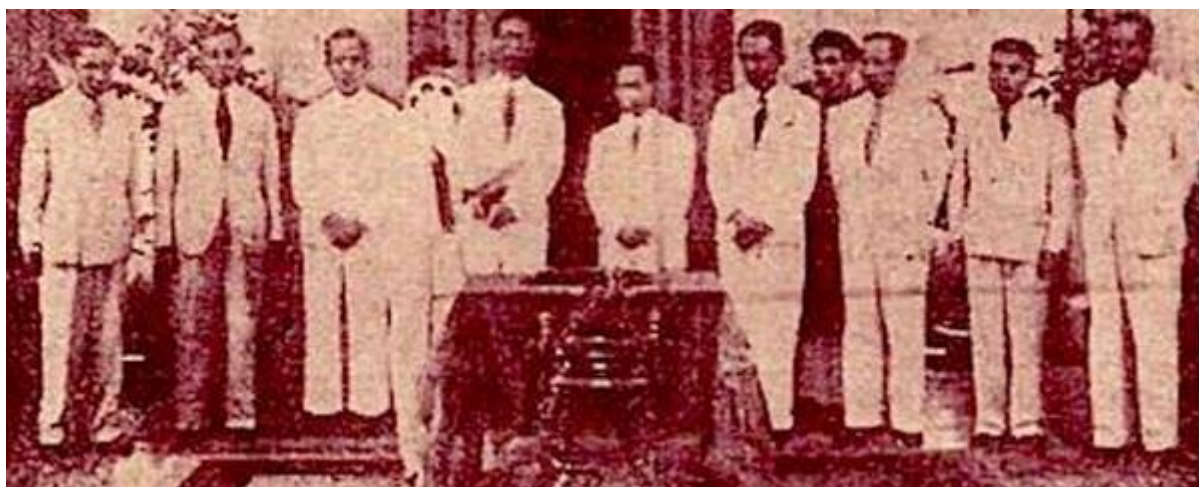


Chính phủ Trần Trọng Kim - Chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam độc lập



Trần Gia Phụng

Sau khi vua Bảo Đại công bố Bản TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP ngày 11-3-1945, Phạm Quỳnh cùng toàn thể thượng thư sáu bộ trong triều đình Huế xin từ chức. Vua Bảo Đại triệu tập nhân sĩ khắp nước đến gặp, để thăm dò việc thành lập chính phủ mới.

Trần Trọng Kim lập chính Phủ

Lúc đó, người Nhật đưa Trần Trọng Kim từ Singapore về Sài Gòn ngày 30-3-1945, rồi đưa ông ra tới Huế ngày 5-4-1945. Trần Trọng Kim sinh tại Hà Tĩnh năm 1883, học trường Vinh, rồi trường Thông sự Ninh Bình. Năm 1905, ông qua Pháp, học trường Thương mại La Salle tại Lyon, sau chuyển qua trường Thuộc Địa Pháp, rồi trường Sư Phạm Melun.

Tốt nghiệp năm 1911, ông trở về nước dạy tại trường Trung học Bảo Hộ (Lycée du Protectorat) và trường Sĩ Hoạn (Hà Nội), rồi làm Thanh Tra Tiểu học Bắc Kỳ, hưu trí năm 1942. Ông viết nhiều sách nghiên cứu giá trị về văn chương, triết học, nhất là bộ Việt Nam sử lược, xuất bản lần đầu tại Hà Nội năm 1920.

Năm 1943, được tin bị người Pháp nghi ngờ, ông nhờ người Nhật đưa vào Sài Gòn cùng Dương Bá Trạc. Đầu năm 1944, hai ông qua Singapore. Tại đây Dương Bá Trạc từ trần vì bệnh phổi ngày 10-12-1944. Tháng 1-1945, Trần Trọng Kim đi Bangkok. Ông trở về nước sau khi Nhật đảo chánh Pháp ngày 9-3-1945.

Là một nhà giáo và là một nhà nghiên cứu nghiêm túc, Trần Trọng Kim cho rằng vua Bảo Đại là vị vua ham ăn chơi, không chăm lo việc nước nên không muốn gặp. Tuy nhiên, theo lời khuyên của Hoàng Xuân Hãn, Trần Trọng Kim đồng ý triệu yết vua Bảo Đại ngày 7-4-1945. Gặp xong, ông thay đổi ý kiến.

Hoàng Xuân Hãn kể lại như sau: “*Cụ [Trần Trọng Kim] hỏi tôi thì tôi cũng nói với cụ nên gặp ông Bảo Đại, rồi có ý gì thì cụ nói sau, chứ cụ đừng có nói trước. Cụ cứ bảo: “Bảo Đại là một cái anh chỉ biết ăn chơi, không hiểu cái gì cả”. Cụ cứ nói như thế. Sau cụ vào thăm ông Bảo Đại thì cụ ngồi đến 2, 3 giờ đồng hồ cơ. Lúc ra thì trái lại, lại thấy cụ nói: “Nó thông minh lắm chứ không phải như tôi tưởng.”*” (Hoàng Xuân Hãn trả lời phỏng vấn đài R.F.I (Paris) do Thụy Khê thực hiện, đăng lại trong mục “*Những cuộc tiếp xúc khó quên*”, sách La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn (1908-1996), do Hữu Ngọc - Nguyễn Đức Hiền sưu tập, tập I, Con người và trước tác (phần 1), Hà Nội: Nxb. Giáo Dục, 1998, tr. 481.)

Trong cuộc triều yết này (7-4), Trần Trọng Kim đề nghị với vua Bảo Đại nên mời Ngô Đình Diệm lập chính phủ. Nhà vua liền nhờ người Nhật tìm kiếm ông Diệm để mời ông ra chấp chánh. Người Nhật trả lời không kiếm được ông Diệm, mặc dầu ông Diệm đang sinh sống tại Sài Gòn. Theo Trần Trọng Kim, có thể vì ông Diệm thuộc phe cánh Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, mà cuối thế chiến thứ hai, Nhật không chọn Cường Để và chọn vua Bảo Đại, nên Nhật cũng không mời ông Diệm. (Lê Thần Trần Trọng Kim, Một cơn gió bụi, Sài Gòn: Nxb. Vĩnh Sơn, 1969, tt. 49-50.)

Vua Bảo Đại đợi ba tuần lễ mà không gặp được Ngô Đình Diệm, nên nhà vua uỷ cho Trần Trọng Kim đứng ra lập nội các. Lúc đầu, Trần Trọng Kim từ chối, thì vua Bảo Đại nói: “*Trước kia người mình chưa độc lập. Nay có cơ hội, tuy chưa phải độc lập hẳn, nhưng mình cũng phải tỏ ra có đủ tư cách độc lập. Nếu không có chính phủ thì người Nhật bảo mình bắt lực, tất họ lập cách cai trị theo thể lệ nhà binh rất hại cho nước ta. Vậy ông nên vì nghĩa vụ cố lập thành một chính phủ để lo việc nước.*” Sau lời thuyết phục của vua Bảo Đại, Trần Trọng Kim “*thấy vua Bảo Đại thông minh và am hiểu tình thế, liền tâm rằng: “Nếu vì quyền lợi riêng tôi không dám nhận chức gì cả, song ngài nói vì nghĩa vụ đối với nước, thì dù sao tôi cũng cố hết sức. Vậy xin ngài cho tôi vài ngày để tôi tìm người, hễ có thể được tôi xin tâm lại.”*” (Lê Thần Trần Trọng Kim, sđd. tr. 51.)

Trần Trọng Kim thấy hữu lý nên chấp thuận. Ông đưa ra hai tiêu chuẩn để chọn bộ trưởng vào chính phủ: “*Một: phải có đủ học thức và tư tưởng về mặt chính trị, hai: phải có đức hạnh chắc chắn để dân chúng kính phục.*” (Lê Thần Trần Trọng Kim, sđd. tr. 51.)

Ngày 17-4-1945, tại điện Thái Hòa (Huế), Trần Trọng Kim trình danh sách chính phủ lên vua Bảo Đại và được chuẩn y. Lúc đó, có cả sự hiện diện của viên đại sứ Nhật tại

Huế là Massayuki Yokohama. Nội các Trần Kim gồm đa số là những chuyên gia và trí thức: *"Tất cả những vị này đều là những vị ái quốc chân thành. Họ không hận thù gì nước Pháp. Trẻ tuổi, can đảm, ý thức được nhiệm vụ khẩn ngui của mình, họ muốn rằng chủ quyền quốc gia được đánh dấu khởi đầu từ họ."* (Bảo Đại, sđd. tr. 167.)

Sau đây là thành phần chính phủ Trần Trọng Kim tại Huế ngày 17-4-1945:

Nội các Tổng trưởng [thủ tướng]: Trần Trọng Kim, giáo sư

Nội vụ Bộ trưởng: Trần Đình Nam, y sĩ

Ngoại giao Bộ trưởng: Trần Văn Chương, luật sư

Tư pháp Bộ trưởng: Trịnh Đình Thảo, luật sư

Giáo dục và Mỹ nghệ Bộ trưởng : Hoàng Xuân Hãn, toán học thạc sĩ

Tài chánh Bộ trưởng: Vũ Văn Hiến, luật sư

Thanh niên Bộ trưởng: Phan Anh, luật sư

Công chánh Bộ trưởng: Lưu Văn Lang, kỹ sư [Không nhận]

Y tế Bộ trưởng: Vũ Ngọc Anh, y khoa bác sĩ

Kinh tế Bộ trưởng: Hồ Tá Khanh, y khoa bác sĩ

Tiếp tế Bộ trưởng: Nguyễn Hữu Thí, cựu y sĩ

(Lê Thần Trần Trọng Kim, sđd. tt. 52-53.)



(Báo TRUNG BẮC CHỦ NHẬT số ngày 20-5-1945 đưa tin về sự thành lập chính phủ Trần Trọng Kim)

Chính Phủ Trần Trọng Kim không có bộ binh

Đây là chính phủ đầu tiên của Việt Nam độc lập được tổ chức theo cơ cấu tây phương, gồm nhiều bộ. Đứng đầu mỗi bộ là một vị bộ trưởng phụ trách chuyên ngành. Tất cả những bộ trưởng trong chính phủ đều là những chuyên gia tân học, gồm một giáo sư, hai kỹ sư, bốn bác sĩ, bốn luật sư. Đặc biệt chính phủ này không có bộ Binh, hay bộ Quốc phòng, hoặc bộ An ninh.

Trước đây, sau khi vua Bảo Đại từ Pháp về cầm quyền năm 1932, Pháp cải tổ triều đình Huế ngày 2-5-1933, bộ Binh bị bãi bỏ. Nay chính phủ Trần Trọng Kim dưới quyền vua Bảo Đại cũng không có bộ Binh. Không biết lý do nào, một chính phủ được tổ chức theo lối mới, lại không có bộ Binh hay bộ Quốc phòng? Riêng Trần Trọng Kim, trong hồi ký của mình, giải thích như sau:

“Việc binh bị trong nước là việc quan trọng đến vận mạng cả nước, mà lúc ấy quân lính và súng ống không có. Ở kinh đô Huế có tất cả hơn một trăm lính bảo an, tức lính khổ xanh cũ, và sáu bảy chục khẩu súng cũ, đạn cũ, bắn mười phát thì năm sáu phát không nổ. Ở các tỉnh cũng vậy, mỗi tỉnh có độ 50 lính bảo an, các phủ huyện thì có độ chừng vài chục người. Việc phòng bị do quân Nhật Bản đảm nhiệm hết. Vì lẽ đó và các lẽ khác nữa mà lúc đầu chúng tôi không đặt bộ Quốc phòng. Một là trong khi quân Nhật đang đóng ở trong nước, nếu mình đặt bộ Quốc phòng thì chỉ có danh không có thực, và người Nhật có thể lợi dụng bắt người mình đi đánh giặc với họ. Hai là trước khi mình có đủ binh lính và binh khí, ta hãy nên gây cái tinh thần binh bị, thì rồi quân đội mình mới có khí thế.” (Lê Thần Trần Trọng Kim, sđd. tt. 57-58.)

Tuy Trần Trọng Kim giải thích như thế, nhưng có hai dư luận bàn tán khác nhau về việc này: Thứ nhất, người ta cho rằng chính phủ Trần Trọng Kim gồm toàn khoa bảng chuyên viên, ít hiểu biết về việc quân sự nên không thấy rõ tầm mức quan trọng của bộ Quốc phòng. Thứ hai, có thể người Nhật muốn nắm toàn bộ vấn đề quốc phòng mà không giao cho chính phủ Trần Trọng Kim, vì sợ chính phủ này theo Đồng minh, có thể bất ngờ tấn công Nhật. Làm như thế, Nhật còn buộc chính phủ Trần Trọng Kim lệ thuộc vào chính sách quân sự chung của Nhật tại Đông Nam Á.

Dẫu sao, việc quốc phòng chỉ dựa trên quân Nhật là điều sẽ rất tai hại về sau, vì khi quân Nhật rút lui hay đầu hàng Đồng minh, thì chính phủ Trần Trọng Kim không có lực lượng quân sự để tự bảo vệ mình, bảo vệ an ninh lãnh thổ, và sẽ dễ dàng bị sụp đổ. Không tổ chức bộ Quốc phòng, chính phủ Trần Trọng Kim mở trường huấn luyện thanh niên, chú trọng đến việc phát triển phong trào thanh niên.

Về phần vua Bảo Đại, ngày 8-5-1945, nhà vua đưa ra chủ trương xây dựng một hiến pháp theo khẩu hiệu “Dân vi quý” của Mạnh Tử, và ngày 30-6-1945, nhà vua ban hành

sắc dụ thành lập Hội đồng soạn thảo hiến pháp. Hội đồng mới bắt đầu làm việc, thì tình hình thay đổi nhanh chóng.

Quốc Hiệu, Quốc Kỳ và Quốc Ca

Bắt tay vào làm việc, trước hết vào ngày 4-5-1945, chính phủ quyết định quốc hiệu mới là Đế Quốc Việt Nam, chứ không dùng các danh xưng An Nam, Đại Nam hay Đại Việt.



Kinh đô Huế được đổi thành Thuận Hóa. Ngày 2-6-1945, chính phủ chọn quốc kỳ Việt Nam nền vàng, ba sọc đỏ theo hình quẻ ly. Quốc ca là bài “Đặng đàn cung”.

Quẻ ly là một trong tám quẻ đơn của bát quái trong kinh Dịch, gồm ba hào (vạch ngang): hào dương dưới cùng (một vạch ngang), hào âm ở giữa (một vạch ngang đứt ở giữa), và hào dương trên cùng (một vạch ngang). Ly vi hỏa là lửa, sáng màu đỏ. Theo quan niệm của Hậu thiên bát quái, ly đóng ở phương nam.



Như vậy, màu vàng của nền cờ quẻ ly vừa là màu cờ long tinh của hoàng gia (truyền thống), vừa tượng trưng cho "thổ", thích hợp với quẻ ly để chỉ vị trí nước ta (phương nam), và cả về màu sắc (hỏa, màu đỏ, sinh thổ, màu vàng, theo ngũ hành tương sinh), đồng thời với ý nghĩa người Việt Nam máu đỏ da vàng. Sau đây là lời giải thích của Trần Trọng Kim về lá cờ do ông đưa ra:

“Lá cờ vàng là từ xưa nước ta vẫn dùng. Trong sách Quốc sử diễn ca nói khi bà Triệu Ẩu nổi lên đánh quân Tàu, đã dùng lá cờ ấy khởi nghĩa, nên có câu rằng: “Đầu voi

phát ngọn cờ vàng”. Vậy lấy sắc cờ vàng là hợp với cái ý cách mệnh của tổ quốc, lấy dấu hiệu quẻ ly là vì trong lối chơi chữ tối cổ của ta có tám chữ viết bằng vạch liền (dương) và những vạch đứt (âm) để chỉ tám quẻ, chỉ bốn phương chính và bốn phương bàng, nói ở kinh Dịch, mà quẻ ly chủ phương nam. Chữ ly còn có nghĩa là lửa, là văn minh, là ánh sáng phóng ra bốn phương.

Lấy sắc vàng là hợp với lịch sử, lấy quẻ ly là hợp với vị trí nước nhà lại có nghĩa chỉ một nước văn hiến như ta thường tự xưng. Như thế là lá cờ vàng quẻ ly có đủ các ý nghĩa.” (Lê Thần Trần Trọng Kim, sđd, tt. 60-61.)

Khi Trần Trọng Kim chọn cờ quẻ ly, ông cũng biết rằng “có người nói: cờ quẻ ly là một điềm xấu cho nên thất bại vì ly là lửa. Ly là lia là một nghĩa khác chứ không phải nghĩa chữ ly là quẻ. Và việc làm của một chính phủ là cốt ở nghĩa lý, chứ không phải là sự tin nhảm vô ý thức.” (Lê Thần Trần Trọng Kim, sđd. tr. 61.)

Trong khi đó, theo các nhà Nho học, bài thiệu về các quẻ trong bát quái có câu “càn tam mãn, ly trung hư”, tức quẻ càn gồm có ba vạch ngang đầy đủ, trong khi quẻ ly có vạch giữa bị đứt đoạn, nên các ông cũng cho đây là điềm không tốt.

Lời bài quốc ca “**Đặng Đàng Cung**” như sau:

“Kìa núi vàng bể bạc

Có sách trời... sách trời định phân!

Một dòng ta - gầy non sông vững chắc.

Đã ba ngàn mấy trăm năm!

Bắc Nam cùng một nhà con Hồng cháu Lạc.

Văn minh đào tạo

Màu gấm hoa càng đượm

Rạng vẻ dòng giống Tiên Long.

Áy công gây dựng

Từ xưa đà khó nhọc

Nhớ ơn dày nặng

Lòng trung quân đã sẵn

Cố thương nhau... thương nhau một niềm.

Nguyện nhà Việt muôn đời thanh trị.”

(Lê Văn Lân, “Quốc kỳ và quốc ca Việt Nam thời quân chủ trong thế kỷ 20 qua”, Tuyển tập Nhớ Huế số 12, không đề năm, California, tr. 27.)

Như thế, vua Bảo Đại và Trần Trọng Kim đã hợp nhất hai nền hành chính bảo hộ Pháp và địa phương Việt, nên ban đầu còn nhiều khó khăn trong buổi giao thời. Chính phủ này không tồn tại được lâu dài, nhưng cũng đặt định được một số nền tảng căn bản như chúng ta sẽ thấy trong hoạt động của chính phủ Trần Trọng Kim. (Trích: Bảo Đại (1913-1997), Toronto: Nxb. Non Nước, 2014.)

Trần Gia Phụng

(Toronto, Canada)

Nguồn: danlambaovn.blogspot.com

www.vietnamvanhien.org

